

**南開科技大學**

**Trường Đại Học Khoa Học & Công  
Nghệ Nam Khai**

**校外實習  
學生手冊**

**Sổ tay thực tập của sinh viên**

(簡易版-Bản giản lược)

## 目錄

一、課程特色 <i>Đặc sắc của khoá trình thực tập</i> .....	1
二、課程目的 <i>Mục đích của khoá trình thực tập</i> .....	1
三、課程類型 <i>Loại khoá trình thực tập</i> .....	2
四、學生校外實習作業期程與流程 <i>Lịch trình và quá trình thực tập ngoài trường của sinh viên</i> .....	4
五、實習機構評估及篩選機制 <i>Cơ chế đánh giá và sàng lọc các cơ sở thực tập</i> .....	6
六、實習媒合機制 <i>Cơ chế giới thiệu thực tập</i> .....	6
七、學校定期輔導、不適應輔導及轉介處理機制 <i>Phụ đạo định kì, cơ chế phụ đạo khi sinh viên thực tập có mâu thuẫn và không thích ứng</i> .....	7
八、實習糾紛或爭議處理機制 (輔導處理) <i>Cơ chế tranh chấp hoặc giải quyết tranh chấp trong thời gian thực tập( tư vấn giải quyết)</i> .....	12
.....	12
九、校外實習 Q&A <i>Thực tập ngoài trường hỏi và trả lời</i> .....	14

## 一、課程特色 **Đặc sắc của khoá trình thực tập**

- (一) 課程與實際教學更貼近實務，有效縮短學用落差。

Chương trình giảng dạy và thực tế gần gũi hơn với thực tiễn, rút ngắn hiệu quả khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành.

- (二) 透過實習整合理論與實務經驗，發揮務實致用，提高學生適應力。

Kết hợp lý thuyết và kinh nghiệm thực tế thông qua thực tập, phát huy tính ứng dụng thực tế và nâng cao khả năng thích ứng của sinh viên.

- (三) 搭配訂單式就業學程實習，提前與業界共同教導學生，能有效縮短培訓時間，並培養企業所需人才。

Kết hợp với chương trình đào tạo việc làm theo đơn đặt hàng, dạy trước cho sinh viên cùng ngành có thể rút ngắn thời gian đào tạo một cách hiệu quả và trau dồi nhân tài mà doanh nghiệp cần.

- (四) 培養學生團隊合作精神及加強職業道德。

Bồi dưỡng tinh thần làm việc nhóm của sinh viên và nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

## 二、課程目的 **Mục đích của khoá trình thực tập**

- (一) 鏈結產業，培養符合產業需求之實務人才，創造就業機會。

Liên kết các ngành, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng nhu cầu của ngành và tạo cơ hội việc làm.

- (二) 有效提升學生畢業後工作能力及就業機會。

Nâng cao hiệu quả khả năng làm việc và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- (三) 提供學生職業試探的機會，拓展未來就業方向。

Cung cấp cho sinh viên cơ hội khám phá chuyên ngành và mở rộng định hướng việc làm trong tương lai.

- (四) 讓學生提前適應工作環境及工作內容，縮短職前準備，畢業後順利進入職場就業。

Tạo điều kiện cho sinh viên thích ứng trước với môi trường làm việc và nội dung

công việc, rút ngắn thời gian chuẩn bị trước khi đi làm và bước vào làm việc một cách thuận lợi sau khi tốt nghiệp.

### **三、課程類型 Loại khoá trình thực tập**

本校校外實習課程類型，詳如以下說明，如圖1所示：

Các loại khóa học thực tập ngoài khuôn viên trường ,trình bày chi tiết như sau, như trong Hình 1:

- (一) 暑期課程：於暑期開設 2 學分以上之校外實習課程，學生應在同一機構連續實習 8 週，並以不得低於 320 小時為原則。

Khóa trình mùa hè: Các khóa thực tập ngoài trường trong kỳ nghỉ hè thường từ 2 tín chỉ trở lên , sinh viên phải thực tập tại cùng một cơ sở trong 8 tuần liên tục và nguyên tắc là số giờ không ít hơn 320 giờ.

- (二) 學期課程：至少為期18週之校外實習課程，學生修讀實習課程期間，除各系訂定定期返校之座談會或研習活動等外，應全時於實習機構實習。

Khóa trình theo học kỳ: là khóa thực tập ngoài trường với thời gian ít nhất là 18 tuần. Ngoài các hội nghị chuyên đề hoặc hoạt động học tập theo lịch trình của từng khoa , sinh viên nên thực tập toàn thời gian tại các cơ sở thực tập.

- (三) 學年課程：至少為期36週之校外實習課程，修讀實習課程期間，除依各系訂定定期返校之座談會或研習活動等外，學生應全時於實習機構實習。

Khoá trình theo năm học: có ít nhất 36 tuần thực tập ngoài trường.Trong thời gian thực tập, sinh viên phải thực tập toàn thời gian tại các tổ chức thực tập, trừ các buổi hội thảo hoặc hoạt động học tập định kỳ theo lịch trình của từng khoa.

- (四) 海外實習課程：以暑期、學期、學年開設之課程為原則。實習地點為大陸地區以外之境外地區，參與學生應符合學校規定之專業及語言能力條件。實習機構應經學校評估合格，且實習工作性質與就讀系科相關。

Các khóa thực tập ở nước ngoài: Về nguyên tắc, các khóa học được cung cấp trong mùa hè, học kỳ và năm học. Địa điểm thực tập là khu vực nước ngoài (ngoại trừ Trung Quốc đại lục), sinh viên tham gia phải đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn và trình độ ngoại ngữ do nhà trường quy định. Tổ chức thực tập phải được nhà trường đánh giá và có đủ năng lực, đồng thời tính chất của công việc

thực tập phải liên quan đến bộ phận nghiên cứu.

- (五) 其他實習課程：同一學期開設至少 2 學分以上之校外實習課程(不包含校外參訪及實務見習等)，每學分不得低於 160 小時，且應於同一機構進行實習，每日連續實習達 8 小時為原則。

Các khóa thực tập khác: các khóa thực tập ngoài trường với ít nhất 2 tín chỉ trong cùng một học kỳ (không bao gồm các chuyến tham quan ngoài trường và thực tập thực tế, v.v.), mỗi tín chỉ không được ít hơn 160 giờ, thời gian thực tập phải làm cùng một cơ sở (công ty) và liên tục 8 giờ một ngày.

- (六) 境外生參加學生校外實習須符合每學分每學期18週，1學分至多80小時實習之規範。

Sinh viên nước ngoài tham gia thực tập ngoài trường phải đáp ứng tiêu chuẩn 18 tuần/giờ tín chỉ trong mỗi học kỳ và tối đa 80 giờ thực tập/giờ tín chỉ.

- (七) 畢業實習學分之認定，依本校各學制課程設計準則規定辦理。

Việc công nhận tín chỉ thực tập tốt nghiệp sẽ được xử lý theo hướng dẫn thiết kế chương trình giảng dạy của từng hệ thống học thuật của trường.

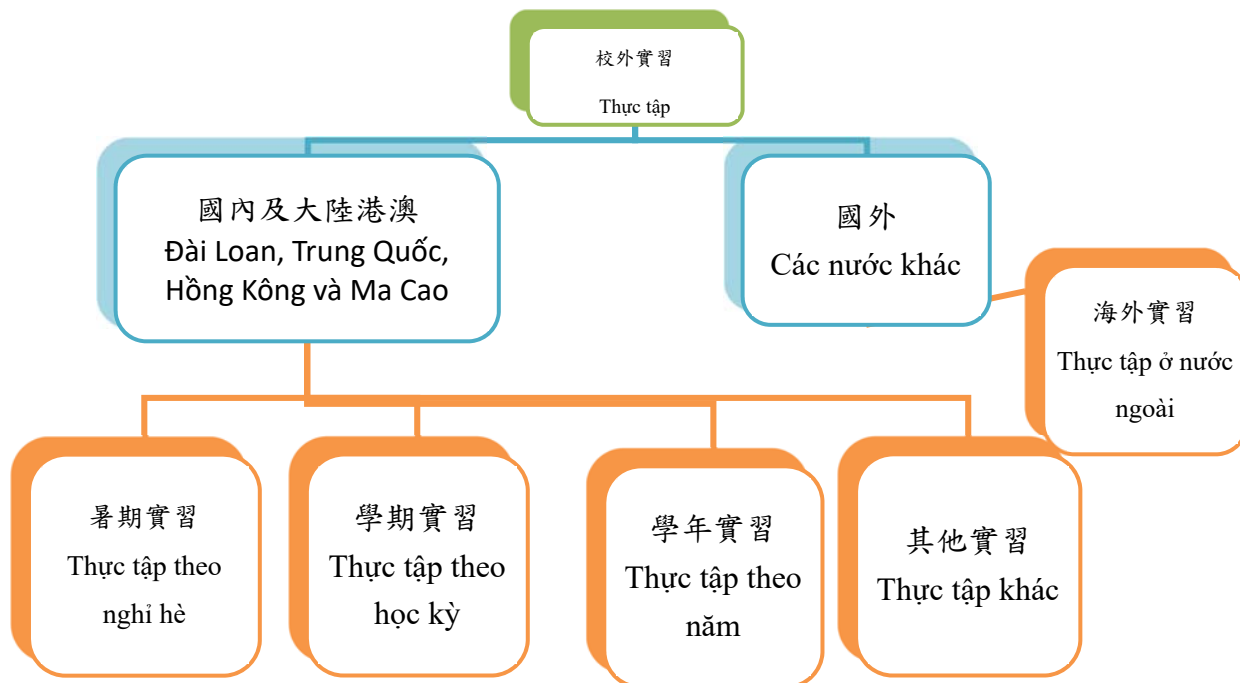


圖 1 學生校外實習課程類型 Hình 1 Các loại hình thực tập ngoài khuôn viên trường dành cho sinh viên

## 四、學生校外實習作業期程與流程 Lịch trình và quá trình thực tập ngoài trường của sinh viên

本校校外實習作業期程與流程，如圖2、圖3所示：

Lịch trình và quy trình thực tập ngoài trường của chúng tôi được thể hiện trong Hình 2 và 3:

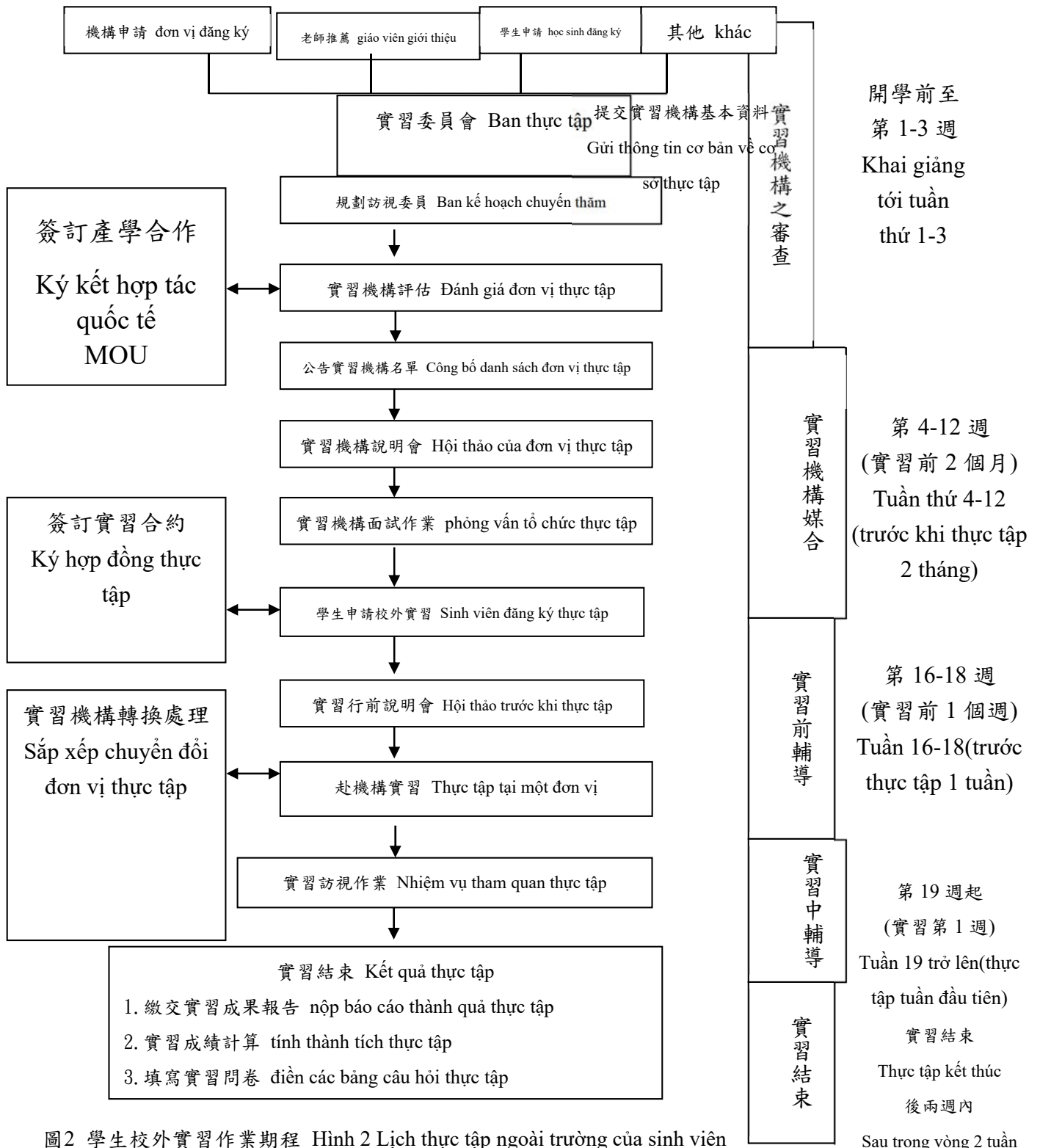


圖2 學生校外實習作業期程 Hình 2 Lịch thực tập ngoài trường của sinh viên

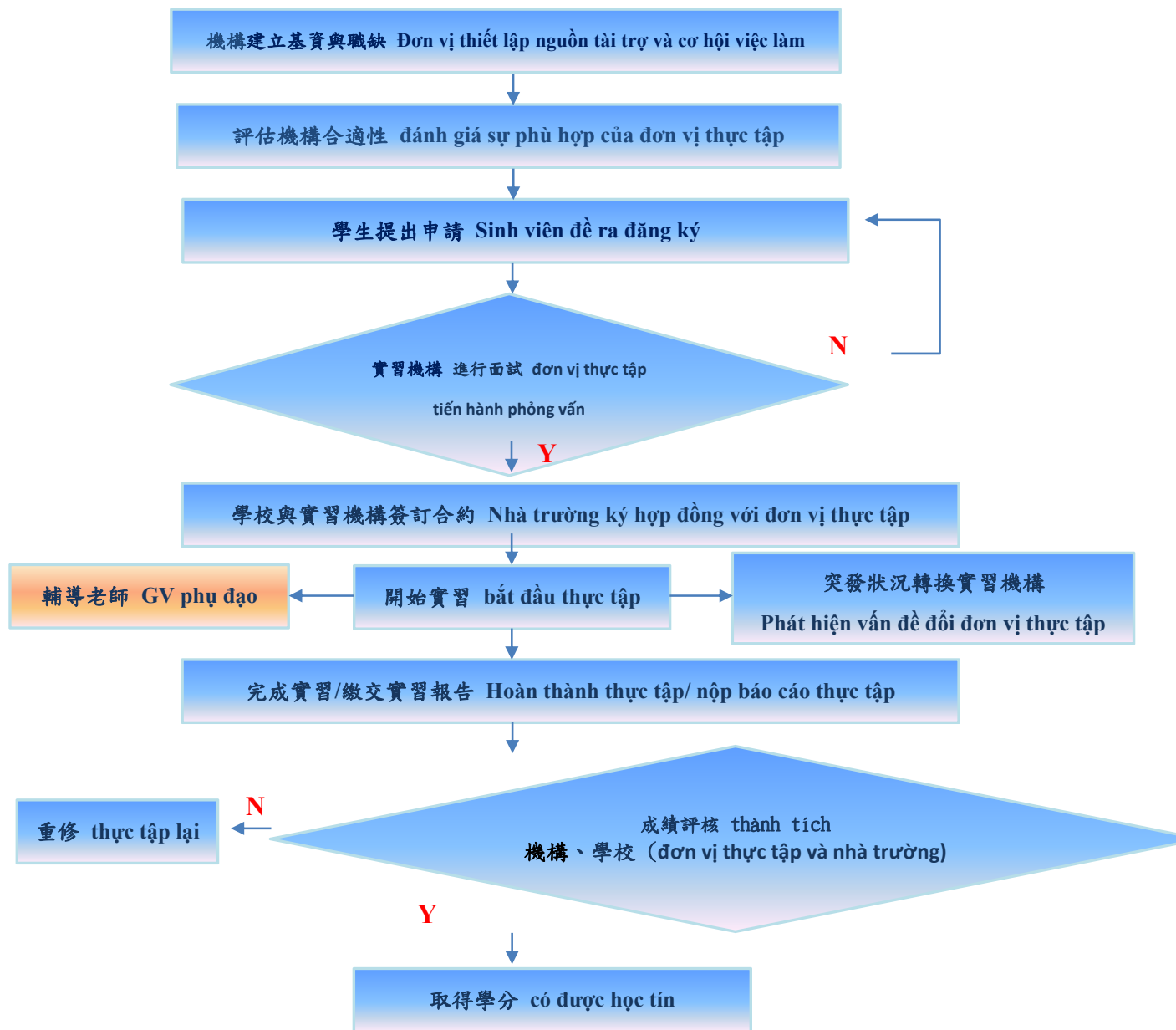


圖 3 學生校外實習機制流程圖 Hình 3 Sơ đồ cơ chế thực tập ngoài khuôn viên trường của sinh viên

## **五、實習機構評估及篩選機制 Cơ chế đánh giá và sàng lọc các cơ sở thực tập**

校外實習機構評估與篩選，係依本校學生校外實習辦法規定辦理。各系評估實習機構是依「評估時間」、「實習環境」、「職務安全性」、「實習項目專業性」、「體力負荷」、「培訓計畫」及「合作理念」等7項進行評估，通過評估者，方可將該機構列為學生校外實習媒合對象。

Việc đánh giá và lựa chọn cơ sở thực tập được thực hiện theo quy chế thực tập của nhà trường dành cho sinh viên của trường. Mỗi bộ phận đánh giá cơ sở thực tập dựa trên 7 mục gồm “thời gian đánh giá”, “môi trường thực tập”, “an toàn công việc”, “tính chuyên nghiệp của dự án thực tập”, “thể lực đảm nhiệm”, “kế hoạch đào tạo” và “khái niệm hợp tác”, chỉ những người đạt yêu cầu trên mới có thể thông qua đánh giá và là đối tượng phù hợp cho các đợt thực tập ngoài khuôn viên trường.

各系於學期開始前寒暑假期間，學生校外實習委員會應先建立實習機構基本資料與職缺，方可進行實習課程整體規劃及運作機制。各系遴選專業教師針對實習機構進行評估，並填寫「學生校外實習機構評估表」。

Trong kỳ nghỉ đông và nghỉ hè trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, ban thực tập ngoài trường của mỗi khoa trước tiên phải xác lập các thông tin cơ bản và vị trí tuyển dụng của tổ chức thực tập trước khi bắt đầu thực tập. Mỗi khoa tuyển chọn giáo viên chuyên môn để đánh giá các cơ sở thực tập và điền vào "Mẫu đánh giá cơ sở thực tập dành cho sinh viên".

## **六、實習媒合機制 Cơ chế giới thiệu thực tập**

本校校外實習媒合機制為：各系應於學期初1-3週內，完成實習機構審查公告。各系應主動邀請審核合格之實習機構到校舉辦說明會或安排實地參訪活動，並提前公布實習機構相關資料供學生參考。參與校外實習的學生，查看所屬系審核合格實習機構之校外實習機會，並投遞履歷，由各系指定之輔導教師協助辦理學生實習媒合事宜。各系接獲實習機構「錄取通知」後，須將學生確認參與實習



訊息回覆該機構，並與實習機構簽訂學生校外實習合約，合約書一式三份（學生、實習機構及學校）。

Cơ chế giới thiệu thực tập ngoài khuôn viên trường của trường như sau: mỗi bộ phận phải hoàn thành thông báo đánh giá đơn vị thực tập trong vòng 1-3 tuần vào đầu học kỳ. Mỗi bộ phận nên chủ động mời các cơ sở thực tập có năng lực đến trường để tổ chức giao ban hoặc sắp xếp các chuyến tham quan thực tế, đồng thời công bố trước các thông tin liên quan về các cơ sở thực tập để sinh viên tham khảo. Những sinh viên tham gia thực tập nên kiểm tra các cơ hội thực tập của các đơn vị thực tập đủ tiêu chuẩn được bộ phận của họ xem xét và gửi sơ yếu lý lịch. Các giáo viên phụ đạo của mỗi bộ phận chỉ định sẽ hỗ trợ xử lý việc giới thiệu thực tập cho sinh viên. Sau khi nhận được “Thông báo trúng tuyển” từ đơn vị thực tập, mỗi bộ phận phải trả lời cho đơn vị xác nhận việc sinh viên tham gia thực tập và ký hợp đồng thực tập với đơn vị thực tập. Hợp đồng được làm thành ba bản (sinh viên), đơn vị thực tập và nhà trường.

## **七、學校定期輔導、不適應輔導及轉介處理機制 Phụ đạo định kì, cơ chế phụ đạo khi sinh viên thực tập có mẫu thuẫn và không thích ứng**

### **(一)學校定期輔導機制 Cơ chế phụ đạo định kì của nhà trường**

為強化輔導效能，各系針對每位實習學生均指派一名輔導教師進行輔導，輔導教師除需完成現場訪視輔導外，學生在實習機構實習期間，學生所屬系所之輔導教師應定期前往查核學生出勤及學習狀況。暑期課程應至少查核1次，學期課程應至少查核2次，學年課程應至少查核4次。海外(境外)實習課程以查核1次為原則。其他實習課程為2個月者至少查核1次，在學期間實施4個月則至少查核2次。除此，輔導教師需不定時以網際網路或電話等方式，與學生保持聯繫，以瞭解實習學生狀況，適時給予輔導協助。

Để nâng cao hiệu quả phụ đạo, mỗi khoa phân công một giáo viên phụ đạo để phụ đạo. Ngoài việc thăm phỏng, giáo viên phụ đạo của khoa sinh viên phải thường xuyên kiểm tra trong thời gian sinh viên thực tập tại cơ sở thực tập. . Tình trạng đi học và học tập của học sinh. Các khóa trình thực tập mùa hè phải được kiểm tra ít nhất một lần, các

khóa học trong học kỳ phải được kiểm tra ít nhất hai lần và các khóa học trong năm học phải được kiểm tra ít nhất bốn lần. Về nguyên tắc, các khóa thực tập ở nước ngoài (ở nước ngoài) phải chịu một cuộc kiểm tra. Các khóa học thực hành khác được kiểm tra ít nhất một lần trong 2 tháng và ít nhất 2 lần trong 4 tháng trong suốt thời gian học. Ngoài ra, giáo viên phụ đạo cần thường xuyên liên lạc với sinh viên qua Internet hoặc điện thoại để nắm rõ tình hình sinh viên thực tập và đưa ra hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

輔導教師訪視學生時，應填寫「學生校外實習輔導訪視紀錄表」，做成紀錄並列入考核。而參與學期或學年課程實習之學生必須參加各系所辦理之行前訓練或說明會，學期中必須返校參加1次實習座談，實習完成必須參加實習成果發表會。

Khi giáo viên phụ đạo đến thăm học sinh, họ phải điền vào " Giấy ghi chép chuyên tham quan hướng dẫn thực tập ngoài trường của sinh viên ", lập biên bản và đưa vào đánh giá. Sinh viên tham gia khóa thực tập trong học kỳ hoặc năm học phải tham gia khóa đào tạo hoặc hội thảo thuyết minh trước khi thực tập do từng khoa tổ chức, phải quay lại trường để tham dự hội thảo thực tập trong học kỳ, sau khi hoàn thành khóa thực tập phải tham dự buổi thuyết trình kết quả thực tập. .

## (二)校外實習衝突與不適應輔導機制 cơ chế phụ đạo khi sinh viên thực tập có mâu thuẫn và không thích ứng

### 1. 校外實習衝突輔導機制 cơ chế phụ đạo khi thực tập xảy ra vấn đề

學生於校外實習時發生衝突與不適應，應由校外實習輔導教師先了解狀況，若與實習機構人員發生衝突，應給予實習學生適當的輔導，必要時請求學務處學輔中心派員協助輔導。若是實習學生學習狀況不佳或欲辭退工作，則輔導教師應深入了解學生專長與實習機構給予之工作是否相符，進而輔導學生繼續實習或轉介到其他較適合之實習機構。

Nếu sinh viên có mâu thuẫn và không tương thích trong quá trình thực tập ngoài trường, trước tiên giáo viên phụ đạo phải hiểu rõ tình hình, nếu có mâu thuẫn với nhân viên cơ quan thực tập thì phải đưa ra tư vấn phù hợp cho sinh viên thực tập, và nếu cần thiết, Đề nghị Trung tâm hỗ trợ học tập của Phòng Công tác sinh viên đến hỗ trợ tư vấn. Nếu tình trạng thực tập của sinh viên thực tập không tốt hoặc muốn bỏ việc, giáo viên

phụ đạo cần tìm hiểu sâu xem chuyên môn của sinh viên có phù hợp với công việc mà cơ sở thực tập đưa ra hay không, sau đó hướng dẫn sinh viên tiếp tục thực tập hoặc giới thiệu sinh viên đến nơi thực tập, cơ sở thực tập khác phù hợp hơn.

2.校外實習之意外或職災處理 Xử lý tai nạn ngoài ý muốn khi thực tập :

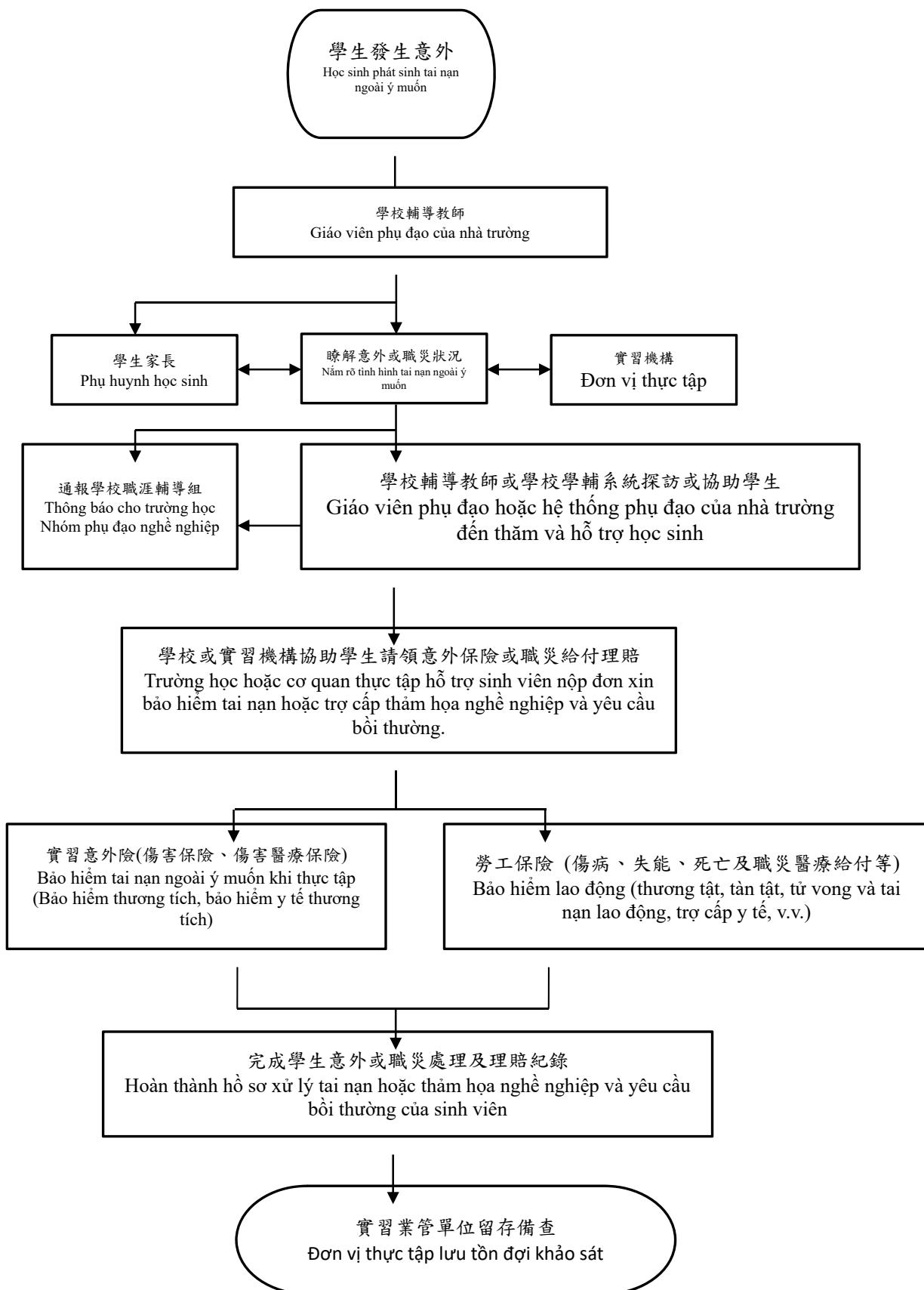


圖 4 學生校外實習意外事故或職災處理流程 Hình 4 Quy trình xử lý tai nạn, thảm họa nghề nghiệp trong thời gian thực tập ngoài trường của sinh viên

### (三) 實習機構轉換之處理原則 Nguyên tắc xử lý việc thay đổi đơn vị thực tập

1. 實習前：各系學生經實習機構錄取後，原則上不可任意更換實習機構，除遇逢業界裁員、實習機構制度嚴重弊端、家庭或個案等不可抗拒因素，得經學生校外實習委員會同意後，方准允轉換實習機構。

Trước khi thực tập: Sau khi sinh viên của mỗi khoa được đơn vị thực tập tiếp nhận, về nguyên tắc không được tự ý thay đổi cơ sở thực tập, trừ trường hợp có những yếu tố bất khả kháng như bị sa thải, những bất lợi nghiêm trọng của cơ sở thực tập. hệ thống cơ sở thực tập, trường hợp gia đình hoặc cá nhân, v.v., có thể được Ủy ban thực tập sinh viên ngoài trường chấp thuận, thì mới có thể được đổi đơn vị thực tập.

2. 實習中：實習學生若不適應實習機構之課程或環境，需事先告知實習輔導教師，經與實習機構溝通後仍無法改善時，得經系主任審核通過後，報請學生校外實習委員會，以協助終止實習課程或轉換實習機構。

Trong thời gian thực tập: Nếu sinh viên thực tập không thích nghi với khóa học hoặc môi trường của cơ sở thực tập thì phải thông báo trước cho giáo viên phụ đạo, nếu sau khi trao đổi với cơ sở thực tập mà vẫn không cải thiện được thì có thể báo cáo với Ban thực tập của nhà trường sau khi được chủ nhiệm khoa phê duyệt. Hỗ trợ chấm dứt các khóa thực tập hoặc chuyển đổi cơ sở thực tập.

3. 若實習機構發現學生有不適任之狀況，應立刻向系或實習學生所屬實習輔導教師提出反應，以便進行輔導，經輔導無效後，得經系主任審核通過後，報請學生校外實習委員會，以協助終止實習課程或轉換實習機構。

Nếu cơ sở thực tập phát hiện sinh viên không đủ tiêu chuẩn cần báo ngay cho giáo sư phụ đạo của sinh viên thực tập để phản ánh, nếu tư vấn không hiệu quả có thể báo cáo ủy ban thực tập sau khi được chủ nhiệm khoa xem xét, phê duyệt, hỗ trợ chấm dứt chương trình thực tập hoặc chuyển đổi cơ sở thực tập.

4. 實習期間轉換或離退機構需填寫「學生轉換實習機構與終止校外實習申請表」，且以乙次為限。

Để thay đổi hoặc rời khỏi cơ sở thực tập trong thời gian thực tập, phải điền vào

"Đơn xin thay đổi cơ sở thực tập của sinh viên và chấm dứt thực tập " và chỉ duy nhất được một lần.

5. 學生自行離職未告知實習輔導教師者，應視情節懲處。

Học viên nghỉ học mà không báo cho giáo viên phụ đạo thực tập sẽ bị xử phạt tùy theo tình hình.

### 八、實習糾紛或爭議處理機制（輔導處理）**Cơ chế tranh chấp hoặc giải quyết tranh chấp trong thời gian thực tập( tư vấn giải quyết)**

若遇爭議，除依本校學生校外實習辦法規定辦理外，得提交各系學生校外實習委員會及校級學生校外實習委員會處理，如圖 5 所示

Nếu có tranh chấp, ngoài việc xử lý theo quy định về thực tập đối với sinh viên của trường, có thể gửi đến Ban thực tập của từng khoa xử lý, như trong Hình 5:

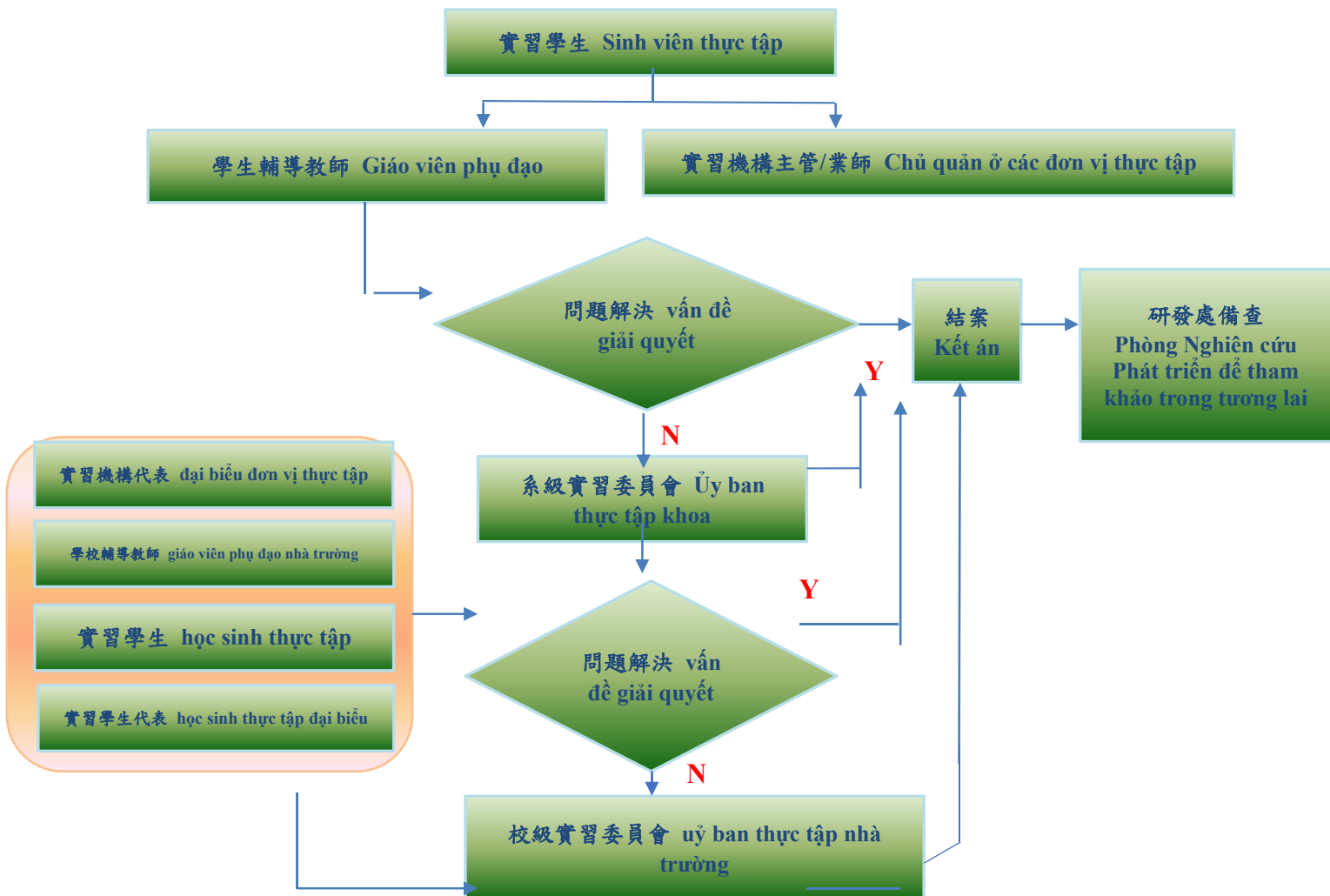


圖5 實習糾紛或爭議處理機制流程圖 Hình 5 Sơ đồ quy trình giải quyết tranh chấp hoặc tranh chấp trong thực tập

實習學生於校外實習期間與實習機構發生爭議或遭遇意外緊急事故時，可即時透過處理管道獲得協助，本校校級之學生校外實習聯繫與諮詢管道為研發處職涯輔導組，電話為：049-2563489，分機1583。

Khi sinh viên thực tập có tranh chấp với đơn vị thực tập hoặc gặp trường hợp khẩn cấp bất ngờ trong quá trình thực tập có thể nhận được sự hỗ trợ ngay lập tức thông qua kênh xử lý. Nhóm tư vấn Văn phòng Nghiên cứu và Phát triển Số điện thoại: 049 - 2563489, phân nhánh 1583.

## 九、校外實習 Q&A Thực tập ngoài trường hỏi và trả lời

### (一)校外實習課程規劃 quy hoạch khoá trình thực tập

Q1：上課已經很累了，為何還要校外實習？

Đi học trên lớp đã mệt rồi， tại sao vẫn phải đi thực tập？

A：透過校外實習結合企業的在職訓練可以協助將理論與實務做結合，同時增加畢業就業機會，整體而言，可有效提升就業競爭力。

Thông qua việc đi thực tập, đào tạo ở các xí nghiệp có thể giúp chúng ta thực hành được những lý thuyết đã học trên sách vở, đồng thời cũng giúp chúng ta có được nhiều cơ hội làm việc sau khi tốt nghiệp. Chung quy, việc thực tập có thể nâng cao hiệu quả việc “ cạnh tranh việc làm”.

Q2：校外實習課程是否就是打工？

Các khóa trình thực tập có phải là “làm thêm” hay không？

A：校外實習課程，係指學校針對學生未來就業、職涯發展所需技能進行校外實習相關規劃，參與校外實習之企業需指派專人擔任業界輔導教師，參與課程規劃、設計及校外實習實務指導，且校外實習課程屬學校正式課程之一，並列入畢業學分之必修或選修課程，故與一般計時打工性質是不同的。

“Các khóa trình thực tập” là quy hoạch nhằm xây dựng các kỹ năng cần thiết cho việc làm và phát triển nghề nghiệp trong tương lai của sinh viên. Các công ty tham gia thực tập cần bố trí nhân sự chuyên trách làm gia sư ngành để tham gia xây dựng chương trình giảng dạy, thiết kế và hướng dẫn thực hành cho các kỳ thực tập. Thực tập cũng là một môn học lấy tín chỉ tốt nghiệp nên sẽ không giống với việc làm thêm bán thời gian bình thường.

Q3：校外實習為必修課程，是否未修習實習就無法畢業？

Có phải thực tập là một trong những tín chỉ bắt buộc cho nên không đi thực tập thì sẽ không thể tốt nghiệp không ạ？

A：在學期間，只要依入學年度之相關規定修習實習課程即可，如因個人特殊原因無法完成，可依本校校外實習辦法提請免修實習課程，經審核通過後比照本校學則規定得免修校外實習課程，但應以選修科目學分補足其學分數。



Trong thời gian học tập ở nhà trường, chỉ cần tuân theo các quy định của các khóa trình thực tập là được, nếu bởi vì một nguyên nhân đặc biệt nào đó không thể hoàn thành được khóa trình thực tập, có thể xin miễn thực tập theo các quy định của nhà trường, nếu được thông qua thì có thể miễn thực tập, nhưng vẫn phải chọn học môn học khác để đủ học phần thì mới có thể tốt nghiệp.

(二)校外實習薪資問題 Các vấn đề liên quan đến lương bổng trong thực tập.

Q: 參與校外實習，實習機構會提供工資嗎？

Đi thực tập có được nhận lương không？

A:

1. 實習學生參加校外實習課程，該課程係屬學校正式列入畢業學分之必修或選修課程之一，學校於篩選實習機構時，得將實習機構給薪與否納入考量，並得為實習學生向實習機構爭取工資或相關助學金。
2. 如果實習機構提供實習學生工資，則實習學生與實習機構成為僱傭關係，適用勞動基準法之相關規範；若實習機構無法提供實習學生工資，或僅以獎助學金及相關助學金方式提供者，則學生與實習機構非為僱傭關係，適用學校訂定之實習辦法及實習契約之規範。

1. Sinh viên tham gia các khóa thực tập, đây là một trong những khóa học bắt buộc hoặc tự chọn chính thức được đưa vào tín chỉ tốt nghiệp của trường, khi nhà trường lựa chọn đơn vị thực tập phải xem xét đơn vị thực tập có chi trả lương hay không, và cũng tìm kiếm mức lương hoặc các khoản hỗ trợ liên quan từ các cơ sở thực tập dành cho sinh viên thực tập.
2. Nếu cơ sở thực tập trả lương cho sinh viên thực tập, sinh viên thực tập và cơ sở thực tập sẽ hình thành mối quan hệ lao động và áp dụng các quy định liên quan của Luật Tiêu chuẩn Lao động, nếu cơ sở thực tập không thể trả lương cho thực tập sinh sinh viên, hoặc chỉ cung cấp dưới hình thức học bổng và các khoản hỗ trợ liên quan, thì Sinh viên và các tổ chức thực tập không có quan hệ lao động và các quy định thực tập và hợp đồng thực tập do trường quy định sẽ được áp dụng.

### (三)校外實習保險事宜 Vấn đề bảo hiểm thực tập ngoài trường

Q1: 參與校外實習，保險事宜如何處理？

Tham gia thực tập ngoài trường, giải quyết vấn đề bảo hiểm như thế nào?

A: 學生在校期間，已投保學生團體平安保險，為給予學生在實習期間有更多保障，本校另幫學生投保大專校院校外實習學生團體保險，且各實習企業部分亦替學生投保勞保或意外險。

Trong thời gian sinh viên ở nhà trường đã mua bảo hiểm an toàn cho sinh viên. Để mang đến cho sinh viên sự bảo vệ tốt hơn trong quá trình thực tập, trường chúng tôi còn hỗ trợ sinh viên mua bảo hiểm nhóm cho sinh viên thực tập tại trường đại học và công ty thực tập cũng vậy. Bảo hiểm cho sinh viên là bảo hiểm lao động hoặc bảo hiểm tai nạn ngoài ý muốn.

Q2: 實習生可否投保勞保？

Thực tập sinh có được đóng bảo hiểm lao động không?

A: 實習生與實習機構（投保單位）如有僱傭關係，並確有支領薪資者可加保。如果學生與實習機構之間既無僱傭關係，又無支領薪資之約定，不得參加勞工保險。Nếu thực tập sinh có mối quan hệ việc làm với cơ quan thực tập (đơn vị được bảo hiểm) và được trả lương thì người đó có thể được bảo hiểm. Nếu không có quan hệ lao động cũng như không có thỏa thuận trả lương giữa sinh viên và cơ sở thực tập thì sinh viên không được tham gia bảo hiểm lao động.

### (四)校外實習衝突與輔導 Mâu thuẫn và tư vấn thực tập

Q1: 學生實習期間若有任何問題時，需聯絡何人？

Học sinh nên liên hệ với ai nếu có thắc mắc trong quá trình thực tập?

A: 本校參與實習之學生均指派該系教師擔任實習輔導老師，學生於實習期間遇有任何問題，可隨時聯絡系所輔導老師協助處理，亦可連絡職涯輔導組。

Sinh viên tham gia thực tập tại trường được các giáo viên của bộ môn phân công làm cố vấn thực tập, nếu sinh viên gặp khó khăn gì trong quá trình thực tập có thể liên hệ với giáo viên phụ đạo để được hỗ trợ bất cứ lúc nào và cũng có thể liên hệ với đội ngũ tư vấn nghề nghiệp.

Q2: 學生實習期間發生性騷擾，應如何處理？

Xử lý thế nào khi bị quấy rối TD khi sinh viên thực tập?

A：事前宣導預防方法及投訴管道，如實際發生時，請立即通知輔導老師。

Thúc đẩy trước các phương pháp phòng ngừa và khiếu nại, nếu thực sự xảy ra sự cố, vui lòng thông báo ngay cho giáo sư phụ đạo.

Q3：學生實習期間如何跟實習機構請假？

Làm thế nào để sinh viên xin nghỉ phép trong thời gian thực tập?

A：先與實習機構主管確認完成請假事宜，若因請假與實習機構發生紛爭，請立即通知輔導老師。

Đầu tiên xác nhận với chủ quản của cơ sở thực tập rằng yêu cầu nghỉ phép đã được hoàn thành, nếu có tranh chấp với cơ sở thực tập do nghỉ phép, vui lòng thông báo ngay cho giáo viên thực tập.